

**BẢNG XÁC NHẬN HẠN MỨC GIAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP ĐANG SỬ DỤNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN BỊ THU HỒI TẠI
ĐỊA PHƯƠNG XÃ VẠN TƯỜNG THUỘC DỰ ÁN: ĐƯỜNG HOÀNG SA - DỐC SỎI.**

Địa điểm: xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

(Kèm theo Công văn số: /UBND ngày tháng năm 2025 của UBND xã Vạn Tường)

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Thông tin, số liệu bản đồ hiện trạng							Nguồn gốc đất hộ dân kê khai	Thời điểm sử dụng	Hạn mức giao đất tại địa phương (m2)	Kết quả đối chiếu hạn mức	Ghi chú
		Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)				Loại đất					
				Diện tích tổng thửa (m2)	Phần trong QH (m2)	Phần ngoài QH (m2)	Tổng DT thu hồi						
1	Hộ ông Vũ Hồng Long và bà Lê Thị Nhân	2	37	1.123,0	668,4	454,6	668,4	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	4952	Không	
2	Hộ ông Lê Văn Hữu và bà Lưu Thị Lai	2	45	1.032,0	853,6	178,4	853,6	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	3398	Không	
3	Hộ ông Vũ Hồng Phong và bà Lê Thị Lan	2	49	868,0	775,6	92,4	775,6	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	1580	Không	
4	Hộ ông Lê Văn Đạt và bà Nguyễn Thị Tạo	2	287	880,0	857,7	22,3	857,7	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	12324	Không	
5	Hộ ông Trương Quang Sự	2	418	792,0	155,6	636,4	155,6	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	860	Không	
6	Hộ ông Phan Đức và bà Trần Thị Tư	3	5	654,0	404,9	249,1	404,9	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	3614	Không	

7	Hộ ông Bùi Lựu và bà Nguyễn Thị Hóa	3	230	801,0	795,5	5,5	795,5	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	1557	Không	
8	Hộ ông Phan Trọng và bà Trương Thị Loan	3	245	735,0	433,9	301,1	433,9	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	4463	Không	
9	Hộ ông Nguyễn Thanh Dũng và bà Tu Thị Hồng	3	275	619,0	2,4	616,6	2,4	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	4658	Không	
10	Hộ ông Phan Sạn và những người thừa kế hợp pháp của ông Phan Sạn (hiện ông Phan Sạn đã chết)	3	474	514,0	514,0	0,0	514,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	9273	Không	
11	Hộ ông Nguyễn Văn Phú và bà Lâm Thị Thái	4	30	986,0	31,9	954,1	31,9	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	4267	Không	
12	Hộ ông Trần Văn Phước và bà Nguyễn Thị Tiên	4	33	720,0	17,4	702,6	17,4	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	2671	Không	
13	Hộ ông Trần Văn Phước và bà Nguyễn Thị Tiên	4	94	1.116,0	288,9	827,1	288,9	BHK	Giao theo NĐ 64	1999			
14	Hộ ông Lê Quang Tấn và bà Nguyễn Thị Hà	4	64	658,0	63,4	594,6	63,4	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	6831	Không	
15	Hộ ông Đỗ Văn Chiến và bà Trương Thị Hoa	4	89	363,0	141,2	221,8	141,2	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	5474	Không	
16	Hộ ông Hồ Văn Thành và bà Đặng Thị Tùng	5	102	1.314,0	252,1	1.061,9	252,1	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	6756	Không	
17	Hộ ông Hồ Công và bà Nguyễn Thị Thông	4	325	802,0	19,0	783,0	19,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	8862	Không	
18		5	82	375,0	375,0	0,0	375,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999			
19		5	153	557,0	97,2	459,8	97,2	BHK	Giao theo NĐ 64	1999			
20		5	209	508,0	508,0	0,0	508,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999			
21	Hộ ông Đinh Mai và bà Nguyễn Thị Thiêu	5	141	440,0	440,0	0,0	440,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	8037	Không	

22	Hộ ông Đinh Mai	5	214	244,0	124,9	119,1	124,9	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	8057	Không	
23	Hộ ông Nguyễn Dân và bà Trần Thị Trinh	5	191	1.056,0	2,2	1.053,8	2,2	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	6816	Không	
24	Hộ bà Võ Thị Phòng và những người thừa kế hợp pháp của bà Võ Thị Phòng (hiện bà Võ Thị Phòng đã chết).	6	258	186,0	186,0	0,0	186,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	2026	Không	
25	Hộ ông Lê Bình và bà Phạm Thị Tiên	6	334	563,0	5,1	557,9	5,1	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	4679	Không	
26		7	19	264,0	34,4	229,6	34,4	LUC	Giao theo NĐ 64	1999			
27		7	22	580,0	455,5	124,5	455,5	LUC	Giao theo NĐ 64	1999			
28	Hộ ông Bùi Ngọc Thơ và bà Huỳnh Thị Kim Thành	6	336	501,0	501,0	0,0	501,0	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	2376	Không	
29	Hộ bà Phạm Thị Công	6	384	416,0	234,3	181,7	234,3	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	2775	Không	
30	Hộ ông Nguyễn Thanh Sơn và bà Nguyễn Thị Tùng	6	476	398,0	388,3	9,7	388,3	BHK	Giao theo NĐ 64	1999	3125	Không	
31		6	482	1.052,0	485,4	566,6	485,4	BHK	Giao theo NĐ 64	1999			
32	Hộ ông Nguyễn Thanh Tuấn và bà Phan Thị Thường	7	17	374,0	352,8	21,2	352,8	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	2925	Không	
33	Hộ bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền và ông Phạm Ngải	7	194	683,0	229,7	453,3	229,7	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	2939	Không	
34	Hộ ông Nguyễn Văn Thống và bà Phạm Thị Ảnh	7	244	575,0	516,9	58,1	516,9	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	6946	Không	
35	Hộ ông Lê Hồng Việt và bà Trương Thị Hồng Nghi	6	417	597,0	510,0	87,0	510,0	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	3404	Không	
36		7	24	728,0	728,0	0,0	728,0	LUC	Giao theo NĐ 64	1999			

37		7	143	644,0	557,6	86,4	557,6	LUC	Giao theo NĐ 64	1999			
38	Hộ ông Nguyễn Thơ	7	114	624,0	476,8	147,2	476,8	LUC	Giao theo NĐ 64	1999	3133	Không	
Tổng Cộng				25.342,0	13.484,6	11.857,4	13.484,6						